TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 217/2024/DS-PT
Ngày: 02-5-2024
V/v "Tranh chấp
hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lưu Văn Uẩn

Các Thẩm phán: 1. Ông Trần Trọng Nhân

2. Ông Huỳnh Hữu Nghĩa

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Yến Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 02/5/2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2024/TLPT-DS ngày 15/01/2024 về việc "tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số Bản án số: 89/2023/DS-ST ngày 07/11/2023 của Toà án nhân dân thị xã Kiến Tường bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 102/2024/QĐ-PT ngày 25/02/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Hồ Tấn S**. Sinh năm 1966. Địa chỉ: Số A, ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Thanh M, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số C, Quốc lộ F, Phường F, thành phố T, tỉnh Long An (theo văn bản ủy quyền ngày 26/7/2022).

2. Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị Thùy D**. Sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. **Ông Võ Ngọc T**. Sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

3.2. **Ông Võ Minh N**. Sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

3.3. **Bà Lê Thị T1**. Sinh năm 1968. Địa chỉ: Số A, ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Hồ Tấn S; Bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy D

(Ông Lê Thanh M, bà Nguyễn Thị Thùy D có mặt, bà Lê Thị T1 có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Võ Ngọc T, Võ Minh N vắng mặt không lý do)

NHẬN THẤY:

** Nguyên đơn, ông Hồ Tấn S có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Thanh M trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Thùy D có tổ chức nhiều dây hụi để hưởng huê hồng, mục đích góp vốn xoay vòng, ông S có tham gia chơi hụi với bà D 10 dây hụi cụ thể như sau:

1. Dây hụi khui ngày 20/10/2016: ngày đóng tiền 20/10/2016 (âm lịch, ngày dương lịch 19/11/2016), hụi 5.000.000 đồng, 03 tháng khui hụi 01 lần, gồm 27 người tham gia, ông S tham gia chơi 1 phần, khui lần đầu ngày 20/10/2016, hụi khui đến ngày 20/02/2022 (âm lịch) là 05 năm 04 tháng, mỗi năm 04 kỳ khui hụi tương ứng 04 lần. Ông S đóng hụi sống cụ thể như sau:

- Tháng 11/ 2016 đóng 3.000.000 đồng.

- Tháng 02, 05, 08, 11/2017 đóng mỗi tháng 3.000.000 đồng.

- Tháng 02, 05, 08, 11/2018 đóng mỗi tháng 3.000.000 đồng.

- Tháng 02, 05, 08, 11/2019 đóng mỗi tháng 3.000.000 đồng.

- Tháng 02/2020 đóng 2.800.000 đồng; tháng 05/2020 đóng 3.000.000 đồng; tháng 08/2020 đóng 2.400.000 đồng; tháng 11/2020 đóng 3.000.000 đồng.

- Tháng 02, 05, 08/2021 mỗi tháng đóng 3.000.000 đồng.

- Tháng 02/2022 đóng 3.000.000 đồng thì hụi bị bể không khui nữa.

Tổng cộng, ông S đã đóng được 21 lần với số tiền tổng cộng là 65.200.000 đồng.

2. Dây hụi khui ngày 05/05/2019: ngày đóng tiền 10/05/2019 (âm lịch) ngày dương lịch 13/05/2019, hụi 2.000.000 đồng, tháng khui 1 lần, gồm 34 người tham gia, ông S tham gia chơi 1 phần, ông S đóng hụi sống đến ngày 10/02/2022 được 33 lần, đến lần cuối cùng ông S hốt hụi chết là 2.000.000 đồng x 33 lần = 66.000.000 đồng (số tiền đóng từng lần bao nhiêu ông S không nhớ).

Sau khi trừ tiền huê hồng 800.000 đồng, bà D phải giao hụi cho ông S số tiền là 65.200.000 đồng (66.000.000 đồng – 800.000 đồng).

3. Dây hụi khui ngày 15/05/2019: ngày đóng tiền 25/05/2019 (âm lịch) ngày dương lịch 27/06/2019, hụi 5.000.000 đồng, 03 tháng khui hụi 01 lần, gồm 20 người tham gia, ông S tham gia chơi 1 phần, khui lần đầu ngày 15/5/2019, hụi khui đến ngày 15/02/2022 (âm lịch), ông S đóng hụi sống cụ thể như sau:

- Tháng 05/2019 đóng 3.000.000 đồng; tháng 8/2019 đóng 3.500.000 đồng; tháng 11/2019 đóng 2.700.000 đồng;

- Tháng 02, 05, 08,11/2020 mỗi tháng đóng 3.000.000 đồng;

- Tháng 2/2021 đóng 3.000.000 đồng; tháng 05/2021 đóng 2.700.000 đồng; tháng 08, 11/2021 mỗi tháng đóng 3.000.000 đồng;

- Tháng 02/2022 đóng 3.000.000 đồng thì hụi bị bể không khui nữa.

Tổng cộng, ông S đã đóng được 12 lần với số tiền tổng cộng là 35.900.000 đồng.

4. Dây hụi khui ngày 05/11/2019: ngày đóng tiền 10/11/2019 (âm lịch) ngày dương lịch 03/12/2019, hụi 2.000.000 đồng, 01 tháng khui hụi 01 lần, gồm 35 người tham gia, ông S tham gia chơi 1 phần, khui lần đầu ngày 05/11/2019, hụi khui đến ngày 05/02/2022 (âm lịch), ông S đóng hụi sống cụ thể như sau:

- Tháng 11/2019 đóng 1.700.000 đồng; tháng 12/2019 đóng 1.500.000 đồng;

- Tháng 01, 02/2020 mỗi tháng đóng 1.500.000 đồng; tháng 3/2020 đóng 1.320.000 đồng; tháng 4/2020 đóng 1.500.000 đồng; tháng 5/2020 đóng 1.350.000 đồng; tháng 06, 07/2020 mỗi tháng đóng 1.220.000 đồng; tháng 8/2020 đóng 1.500.000 đồng; tháng 09/2020 đóng 1.400.000 đồng; tháng 10/2020 đóng 1.200.000 đồng; tháng 11/2020 đóng 1.270.000 đồng; tháng 12/2020 đóng 1.500.000 đồng;

- Tháng 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08/2021 mỗi tháng đóng 1.500.000 đồng; tháng 9/2021 đóng 1.280.000 đồng; tháng 10, 11/2021 mỗi tháng đóng 1.500.000 đồng; tháng 12/2021 đóng 1.300.000 đồng;

- Tháng 01/2022 đóng 1.500.000 đồng; tháng 02/2022 đóng 1.320.000 đồng thì hụi bị bể không khui nữa.

Ông S đã đóng được 28 lần với số tiền tổng cộng là 40.080.000 đồng.

5. Dây hụi khui ngày 30/01/2020: ngày đóng tiền 05/02/2020 (âm lịch) ngày dương lịch 27/02/2020, hụi 2.000.000 đồng, 01 tháng khui hụi 01 lần, gồm 35 người tham gia, ông S tham gia chơi 1 phần, khui lần đầu ngày 30/01/2020, hụi khui đến ngày 30/02/2022 (âm lịch), ông S đóng hụi sống cụ thể như sau:

- Tháng 02, 03, 04/2020 mỗi tháng đóng 1.500.000 đồng; tháng 05/2020 đóng 1.300.000 đồng; tháng 06, 07/2020 mỗi tháng đóng 1.500.000 đồng; tháng 8/2020 đóng 1.320.000 đồng; tháng 9/2020 đóng 1.500.000 đồng; tháng 10/2020 đóng 1.400.000 đồng; tháng 11, 12/2020 mỗi tháng đóng 1.500.000 đồng;

- Tháng 01, 02/2021 mỗi tháng đóng 1.500.000 đồng; tháng 03/2021 đóng 1.300.000 đồng; tháng 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11 năm 2021 mỗi tháng đóng 1.500.000 đồng; tháng 12/2021 đóng 1.350.000 đồng;

- Tháng 01, 02 năm 2022 mỗi tháng đóng 1.500.000 đồng thì hụi bị bể không khui nữa.

Tổng cộng, ông S đã đóng được 28 lần với số tiền tổng cộng là 36.670.000 đồng.

6. Dây hụi khui ngày 30/04/2020: ngày đóng tiền 05/05/2020 (âm lịch) ngày dương lịch 21/05/2020, hụi 2.000.000 đồng, 01 tháng khui hụi 01 lần, gồm 28 người tham gia, ông S tham gia chơi 1 phần, khui lần đầu ngày 30/4/2020, hụi khui đến ngày 30/02/2022 (âm lịch), ông S đóng hụi sống cụ thể như sau:

- Tháng 5/2020 đóng 1.150.000 đồng; tháng 06, 07/2020 mỗi tháng đóng 1.500.000 đồng; tháng 08/2020 đóng 1.350.000 đồng; tháng 09/2020 đóng 1.500.000 đồng; tháng 10/2020 đóng 1.320.000 đồng; tháng 11/2020 đóng 1.100.000 đồng; tháng 12/2020 đóng 1.500.000 đồng;

- Tháng 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07/2021 mỗi tháng đóng 1.500.000 đồng; tháng 8/2021 đóng 1.300.000 đồng; tháng 09, 10, 11, 12 năm 2021 mỗi tháng đóng 1.500.000 đồng;

- Tháng 01, 02/2022 mỗi tháng đóng 1.500.000 đồng thì hụi bị bể không khui nữa, ông S đã đóng được 22 lần với số tiền tổng cộng là 31.720.000 đồng.

7. Dây hụi khui ngày 10/7/2020: ngày đóng tiền 15/7/2020 (âm lịch) ngày dương lịch 04/8/2020, hụi 2.000.000 đồng, 01 tháng khui hụi 01 lần, gồm 30 người tham gia, ông S tham gia chơi 1 phần, khui lần đầu ngày 10/7/2020, hụi khui đến ngày 10/02/2022 (âm lịch), ông S đóng hụi sống cụ thể như sau:

- Tháng 07, 08/2020 mỗi tháng đóng 1.500.000 đồng, tháng 9/2020 đóng 1.400.000 đồng; tháng 10/2020 đóng 1.500.000 đồng; tháng 11/2020 đóng 1.320.000 đồng; tháng 12/2020 đóng 1.500.000 đồng;

- Tháng 01/2021 đóng 1.130.000 đồng; tháng 02, 03, 04, 05, 06, 07/2021 mỗi tháng đóng 1.500.000 đồng; tháng 8/2021 đóng 1.300.000 đồng; tháng 09, 10, 11, 12/2021 mỗi tháng đóng 1.500.000 đồng;

- Tháng 01, 02/2022 mỗi tháng đóng 1.500.000 đồng thì hụi bị bể không khui nữa.

Ông S đã đóng được 20 lần với số tiền tổng cộng là 29.150.000 đồng.

8. Dây hụi khui ngày 15/10/2020: ngày đóng tiền 20/10/2020 (âm lịch) ngày dương lịch 04/12/2020, hụi 2.000.000 đồng, 01 tháng khui hụi 01 lần, gồm 27 người tham gia, ông S tham gia chơi 1 phần, khui lần đầu ngày 15/10/2020, hụi khui đến ngày 15/02/2022 (âm lịch), ông S đóng hụi sống cụ thể như sau:

- Tháng 10, 11, 12/2020 mỗi tháng đóng 1.500.000 đồng;

- Tháng 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09/2021 mỗi tháng đóng 1.500.000 đồng; tháng 10/2021 đóng 1.400.000 đồng; tháng 11, 12/2021 mỗi tháng đóng 1.500.000 đồng;

- Tháng 01, 02/2022 mỗi tháng đóng 1.500.000 đồng thì hụi bị bể không khui nữa.

Ông S đã đóng được 17 lần với số tiền tổng cộng là 25.400.000 đồng.

9. Dây hụi khui ngày 20/01/2021 ngày đóng tiền 25/01/2021 (âm lịch) ngày dương lịch 08/3/2021, hụi 2.000.000 đồng, 01 tháng khui hụi 01 lần, gồm 30 người tham gia, ông S tham gia chơi 1 phần, khui lần đầu ngày 20/01/2021, hụi khui đến ngày 20/02/2022 (âm lịch), ông S đóng hụi sống cụ thể như sau:

- Tháng 01, 02, 3, 4, 5, 6, 7/2021 mỗi tháng đóng 1.500.000 đồng; tháng 8/2021 đóng 1.320.000 đồng; tháng 9, 10, 11, 12/2021 mỗi tháng đóng 1.500.000 đồng;

- Tháng 01, 02/2022 mỗi tháng đóng 1.500.000 đồng thì hụi bị bể không khui nữa.

Ông S đã đóng được 14 lần với số tiền tổng cộng là 20.820.000 đồng.

10. Dây hụi khui ngày 25/02/2021 ngày đóng tiền 30/02/2021 (âm lịch) ngày dương lịch 11/04/2021, hụi 2.000.000 đồng, 01 tháng khui hụi 01 lần, gồm 30 người tham gia, ông S tham gia chơi 1 phần, khui lần đầu ngày 25/02/2021, hụi khui đến ngày 25/02/2022 (âm lịch), ông S đóng hụi sống cụ thể như sau:

Từ tháng 02/2021 đến tháng 02/2022 mỗi tháng đóng 1.500.000 đồng thì hụi bị bể không khui nữa, ông S đã đóng được 13 lần với số tiền tổng cộng là 19.500.000 đồng.

Như vậy, ông S đã tham gia chơi hụi do bà D làm thảo hụi tổng cộng là 10 dây hụi trong đó có một dây ông S hốt hụi chót nhưng bà D chưa giao hụi cho ông S. Ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Võ Ngọc T liên đới trả số tiền đã đóng của 10 dây hụi tổng cộng là 369.640.000 đồng.

** Bị đơn, bà Nguyễn Thị Thùy D trình bày:*

Bà D và ông Võ Ngọc T là vợ chồng, bà D có tổ chức các dây hụi nhằm lãnh hoa hồng để sinh hoạt trong cuộc sống, trong đó ông S có tham các dây hụi do bà D làm thảo hụi, cụ thể như sau:

1. Dây hụi khui ngày 20/10/2016: ngày đóng tiền 20/10/2016 (âm lịch, ngày dương lịch 19/11/2016), hụi 5.000.000 đồng, 03 tháng khui hụi 01 lần, dây hụi này bà D không thừa nhận, vì danh sách hụi ông S cung cấp cho Tòa án không có chữ ký của bà D.

2. Dây hụi khui ngày 05/05/2019: ngày đóng tiền 19/05/2019 (âm lịch) ngày dương lịch 13/05/2019, hụi 2.000.000 đồng, tháng khui 1 lần, gồm 34 người tham gia, ông S tham gia chơi 1 phần, ông S đóng được 20 lần với số tiền 26.940.000 đồng.

3. Dây hụi khui ngày 15/05/2019: ngày đóng tiền 25/05/2019 (âm lịch) ngày dương lịch 27/06/2019, hụi 5.000.000 đồng, 03 tháng khui hụi 01 lần, gồm 20 người tham gia, ông S tham gia chơi 1 phần, ông S đã đóng được 02 lần với số tiền tổng cộng là 8.900.000 đồng.

4. Dây hụi khui ngày 05/11/2019: ngày đóng tiền 10/11/2019 (âm lịch) ngày dương lịch 03/12/2019, hụi 2.000.000 đồng, 01 tháng khui hụi 01 lần, gồm 35 người tham gia, ông S tham gia chơi 1 phần, ông S đã đóng được 12 lần với số tiền tổng cộng là 15.880.000 đồng.

5. Dây hụi khui ngày 30/01/2020: ngày đóng tiền 05/02/2020 (âm lịch) ngày dương lịch 27/02/2020, hụi 2.000.000 đồng, 01 tháng khui hụi 01 lần, gồm 35 người tham gia, ông S tham gia chơi 1 phần, ông S đã đóng được 06 lần với số tiền tổng cộng là 6.670.000 đồng.

6. Dây hụi khui ngày 30/04/2020: ngày đóng tiền 05/05/2020 (âm lịch) ngày dương lịch 21/05/2020, hụi 2.000.000 đồng, 01 tháng khui hụi 01 lần, gồm 28 người tham gia, dây hụi này bà D không thừa nhận, vì danh sách hụi ông S cung cấp cho Tòa án không có chữ ký của bà D.

7. Dây hụi khui ngày 10/7/2020: ngày đóng tiền 15/7/2020 (âm lịch) ngày dương lịch 04/8/2020, hụi 2.000.000 đồng, 01 tháng khui hụi 01 lần, gồm 28 người tham gia, ông S tham gia chơi 1 phần, ông S đã đóng được 07 lần với số tiền tổng cộng là 6.650.000 đồng.

8. Dây hụi khui ngày 15/10/2020: ngày đóng tiền 20/10/2020 (âm lịch) ngày dương lịch 04/12/2020, hụi 2.000.000 đồng, 01 tháng khui hụi 01 lần, gồm 27 người tham gia, ông S tham gia chơi 2 phần, ông S đã đóng được 02 lần với số tiền tổng cộng là 5.800.000 đồng.

9. Dây hụi khui ngày 20/01/2021: ngày đóng tiền 25/01/2021 (âm lịch) ngày dương lịch 08/3/2021, hụi 2.000.000 đồng, 01 tháng khui hụi 01 lần, gồm 30 người tham gia, ông S tham gia chơi 1 phần, ông S đã đóng được 01 lần với số tiền tổng cộng là 1.320.000 đồng.

10. Dây hụi khui ngày 25/02/2021: ngày đóng tiền 30/02/2021 (âm lịch) ngày dương lịch 11/04/2021, hụi 2.000.000 đồng, 01 tháng khui hụi 01 lần, gồm 30 người tham gia, dây hụi này bà D không thừa nhận, vì ông S không có đóng cho bà Dương k hụi nào.

Nay bà D chỉ đồng ý trả số tiền hụi cho ông S các dây hụi mà ông S đã tham gia chơi và đóng hụi như sau: 26.940.000 đồng + 8.900.000 đồng + 15.880.000 đồng+ 6.670.000 đồng + 6.650.000 đồng + 5.800.000 đồng + 1.320.000 đồng = 72.160.000 đồng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Võ Ngọc T là chồng của bà Nguyễn Thị Thùy D:* Không có ý kiến trình bày.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Lê Thị T1, vợ của ông S:* Bà T1 thống nhất với lời trình bày của ông S.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Võ Minh N, là người làm công của bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Võ Ngọc T:* Ông N xác định việc chơi hụi giữa ông S với bà D như thế nào ông không biết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 89/2023/DS-ST ngày 07/11/2023 của Toà án nhân dân thị xã Kiến đã xử:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 274, 275, 280, 282, 288 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 7, 11, 13, 15, 18 Nghị định số 19/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Tấn S đối với bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Võ Ngọc T về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Xử buộc bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Võ Ngọc T phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho ông Hồ Tấn S và bà Lê Thị Tích s tiền đóng hụi là 126.360.000 đồng (một trăm hai mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Tấn S đối với bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Võ Ngọc T về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi với số tiền là 243.280.000 đồng (hai trăm bốn mươi ba triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng).

3. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Võ Ngọc T phải thực hiện nghĩa vụ liên đới chịu 6.318.000 đồng (sáu triệu ba trăm mười tám ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.Buộc ông Hồ Tấn S và bà Lê Thị T1 phải thực hiện nghĩa vụ liên đới chịu 12.164.000 đồng (mười hai triệu một trăm sáu mươi bốn ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách HYPERLINK "17" \o "Nhà"Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 9.575.000 đồng (chín triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai số 0000765 ngày 05/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Ông Hồ Tấn S và bà Lê Thị T1 còn phải nộp thêm số tiền 2.589.000 đồng (hai triệu năm trăm tám mươi chín ngàn đồng).Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền, thời hạn kháng cáo và thi hành án của các đương sự.

Ngày 22/11/2023, bà Nguyễn Thị Thùy D kháng cáo không đồng ý Bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, bà chỉ đồng ý trả cho ông Hồ Tấn S số tiền nợ hụi là 53.960.000 đồng.

Ngày 22/11/2023, ông Hồ Tấn S kháng cáo, không đồng ý Bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc bà Nguyễn Thị Thùy D phải trả cho ông 369.640.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, ông Lê Thanh M, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút toàn bộ kháng cáo; bà Nguyễn Thị Thùy D không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:*

Về thủ tục: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định tố tụng. Kháng cáo của ông Hồ Tấn S và kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thùy D trong hạn luật định, đúng thủ tục, Tòa án thụ lý giải quyết theo trình tự phúc thẩm là có căn cứ.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của nguyên đơn rút toàn bộ kháng cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 289 và Điều 295 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thùy D, xét thấy ông Hồ Tấn S giao tiền hụi cho bà Nguyễn Thị Thùy D không có lập biên nhận cụ thể, ông S cũng không có tài liệu gì khác để chứng minh lời trình bày của mình là có cơ sở. Bà Nguyễn Thị Thùy D thừa nhận chỉ có nhận tiền đóng hụi của ông S là 72.160.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bà Nguyễn Thị Thùy D trả lại cho ông S 72.160.000 đồng tiền hụi, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần Bản án sơ thẩm.

XÉT THẤY:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thùy D được thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Bà Lê Thị T1 có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Võ Ngọc T, Võ Minh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn S1: Ông S1 khởi kiện đối với 10 dây hụi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Võ Ngọc T liên đới trả số tiền đã đóng của 10 dây hụi tổng cộng là 369.640.000 đồng.

[4] Bản án sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông S1 đối với 7 dây hụi, với số tiền là 126.360.000 đồng.

[5] Bản án sơ thẩm đã tuyên, nguyên đơn ông Hồ Tấn S kháng cáo, không đồng ý Bản án sơ thẩm, yêu cầu buộc bà D phải trả cho ông số tiền hụi là 369.640.000 đồng. Bị đơn, bà Nguyễn Thị Thùy D kháng cáo không đồng ý Bản án sơ thẩm, bà chỉ đồng ý trả cho ông Hồ Tấn S số tiền nợ hụi là 72.160.000 đồng, là số tiền bà đã nhận của ông Hồ Tấn S.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn rút toàn bộ kháng cáo. Việc rút đơn kháng cáo của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, nên cần chấp nhận, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

[7] Xét lời làm chứng của người làm chứng Lê Quốc T2, là người làm chứng cho dây hụi mà ông S tham gia với bà D gồm: 1. Dây hụi ngày 05/11/2019. Ông S khai đã nộp tiền cho bà D là 40.080.000 đồng. Bà D chỉ thừa nhận có nhận của ông S 15.880.000 đồng; 2. Dây hụi ngày 30/01/2020, ông S khai đã nộp cho bà D là 36.670.000 đồng. Bà D chỉ thừa nhận có nhận 6.670.000 đồng; dây hụi ngày 10/7/2020, ông S khai đã nộp bà D 7.150.000 đồng, bà D chỉ thừa nhận chỉ có nhận 6.650.000 đồng. Ông T2 khai biết ông S có đóng tiền hụi cho bà D với tiền như trên là do bà D nói những người khác trong dây hụi đã đóng hụi hết rồi, chứ ông cũng không có chứng kiến ông S đóng hụi cho bà D (BL số 149-150, do Tòa án lấy lời khai ngày 13/8/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường).

[8] Xét lời làm chứng của bà Nguyễn Thị Bích N1: 1. Dây hụi ngày 30/01/2020, ông S khai đã nộp cho bà D là 36.670.000 đồng. Bà D chỉ thừa nhận có nhận 6.670.000 đồng; 2. Dây hụi ngày 05/05/2019, ông S khai đã nộp cho bà D 65.200.000 đồng, bà D chỉ thừa nhận có nhận 26.940.000 đồng. Bà N1 khai biết ông S có đóng tiền hụi cho bà D với tiền như trên là do bà D nói những người khác trong dây hụi đã đóng hụi hết rồi, chứ bà cũng không có chứng kiến ông S đóng hụi cho bà D (BL số 145-146, do Tòa án lấy lời khai ngày 13/8/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường).

[9] Như vậy, lời khai của ông T2 và bà N1 chưa có đủ cơ sở để chứng minh là ông S có nộp tiền cho bà D đối với các dây hụi trên theo như lời trình bày của ông S. Ngoài lời làm chứng này, ông S cũng không có giấy tờ gì chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ.

[10] Theo lời trình bày của các đương sự, thì khi đóng hụi, nhận tiền hụi các bên không lập biên bản giao nhận, không có ký tên. Do đó, không có đủ cơ sở xác định ông S đã đóng cho bà D bao nhiêu tiền, nên chỉ buộc bà D phải trả số tiền hụi cho ông S theo sự thừa nhận của bà D tại phiên tòa sơ thẩm là 72.160.000 đồng. Bà D kháng cáo, chỉ đồng ý trả số tiền 72.160.000 đồng, là số tiền bà đã nhận của ông Hồ Tấn S là có cơ sở, cần chấp nhận kháng cáo của bà D, sửa một phần Bản án sơ thẩm, buộc bà D trả cho ông S số tiền 72.160.000 đồng.

[11] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

[12] Án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định khoản 4 Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 289 và Điều 295 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Tấn S.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thùy D. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2023/DS-ST ngày 07/11/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 274, 275, 280, 282, 288 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 7, 11, 13, 15, 18 Nghị định số 19/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Tấn S đối với bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Võ Ngọc T về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Xử buộc bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Võ Ngọc T phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho ông Hồ Tấn S và bà Lê Thị T1 số tiền đóng hụi là 72.160.000 đồng (bảy mươi hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Tấn S đối với bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Võ Ngọc T về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi với số tiền là 297.480.000 đồng (hai trăm chín mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng)

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Võ Ngọc T phải thực hiện nghĩa vụ liên đới chịu 3.608.000 đồng (ba triệu sáu trăm lẻ tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Buộc ông Hồ Tấn S và bà Lê Thị T1 phải thực hiện nghĩa vụ liên đới chịu 14.874.000 đồng (mười bốn triệu tám trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 9.575.000 đồng (chín triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai số 0000765 ngày 05/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Ông Hồ Tấn S và bà Lê Thị T1 còn phải nộp thêm số tiền 5.299.000 đồng (năm triệu hai trăm chín mươi chín nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thùy D không phải tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thùy D 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003082 ngày 23/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Ông Hồ Tấn S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003078 ngày 22/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm công khai có hiệu lực pháp luật thi hành./.

***Nơi nhận*:**
- TANDCC;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TỌA

Đã ký

Lưu Văn Uẩn